

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 395/2023/DS-PT
Ngày 24/11/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Kim Nga

Ông Đặng Văn Những

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Nhật Châu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng góp hui.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 721/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1968 và bà Đỗ Thành T, sinh năm 1968;

Cả hai cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1987;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1961; Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn K và bà Đỗ Thành T có lời trình bày như sau:

Ngày 10/6/2020 (âm lịch) vợ chồng ông K và bà T có tổ chức dây hụi tháng, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm có 34 phần, 28 hụi viên tham gia, bà D tham gia 01 phần. Đến tháng 7/2020 (âm lịch), bà D hốt hụi được số tiền 37.060.000 đồng và góp được 12 lần tiền hụi chết, còn nợ 22 lần tiền hụi chết chưa góp. Tổng số tiền còn nợ là 44.000.000 đồng.

Nay, ông K và bà T yêu cầu bà D phải tiền hụi còn nợ 44.000.0000 đồng, không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D có lời trình bày như sau: Bà D không tham gia bất kỳ dây hụi nào do bà T và ông K làm chủ. Tất cả dây hụi đều do mẹ của bà là bà C tham gia. Lý do ghi tên bà D vào dây hụi là do bà C tham gia nhiều phần nên các hụi viên không đồng ý nên bà C ghi tên bà D. Bà C đã góp hụi chết đến tháng 6/2021 (âm lịch) thì không có khả năng góp tiếp nên bà D đã tiếp tục góp hụi chết thay cho bà C đến tháng 8/2022 đối với dây hụi mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng và dây hụi mệnh giá 3.000.000 đồng/02 tháng.

Đến khoảng tháng 11/2021 (âm lịch) thì bà C và bà T, ông K đã thống nhất tất cả số nợ hụi là cho bà C góp. Do bà D không tham gia hụi của bà T và ông K nên không nợ tiền hụi. Vì vậy, không đồng ý trả cho bà T và ông K số tiền 44.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C có lời trình bày: Trước đây, bà C có tham gia hai phần hụi của vợ chồng ông K. Con ruột của bà là D có đứng tên dùm bà C 01 phần. Khi bà C làm ăn thất bại, gặp khó khăn, không có khả năng góp hụi chết thì bà D đồng ý đóng hụi chết cho bà T và ông K thay cho bà C. Các bên thỏa thuận gom số tiền nợ hụi chết của dây hụi mang tên bà D là của bà C. Bà C xác định bà D đã góp hụi chết thay cho bà C tổng số tiền 60.000.000 đồng của dây hụi mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng và dây hụi mệnh giá 3.000.000 đồng/02 tháng. Nay, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T và ông K theo quy định pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An đã căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về hộ, hụi, biếu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/1016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông K và bà T.

Buộc bà D có nghĩa vụ trả cho ông K và bà T tiền nợ hụi 44.000.000 đồng (bốn mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà D phải chịu 2.200.000 đồng. Hoàn trả ông K và bà T 1.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001821 ngày 05/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 31/8/2023, bị đơn bà D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án.

Bị đơn bà D có lời trình bày: Không đồng ý trả cho bà T và ông K 44.000.000 đồng, bà D không tham gia dây hụi mở ngày 10/6/2020 (âm lịch). Dây hụi này do mẹ bà là bà C tham gia 02 phần, nên chủ hụi không đồng ý cho bà C tham gia nữa vì vậy bà C lấy tên bà D ghi “Điện 6 Ca”. Khi bà C nợ tiền hụi bà D có góp dùm cho bà C 02 dây hụi và khi hốt hụi ông K giao tiền cho bà C nhận, do bà D ở cùng nhà nên chủ hụi yêu cầu người sống cùng ký tên vào chứ bà D không nhận tiền hụi. Tại “Giấy thỏa thuận” lập ngày 22/6/2021 (âm lịch) giữa ông K với bà C thể hiện sự thỏa thuận nợ giữa bà C và ông K, ông K đóng choàng hụi cho bà C là 4.000.000 đồng, còn bà C đóng 2.000.000 đồng. Hoàn toàn không có sự thỏa thuận nợ với bà D vì đây là nợ của bà C.

Nguyên đơn bà T và ông K có lời trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà D, xác định bà D là người trực tiếp tham gia dây hụi ngày 10/6/2020 (âm lịch). Khi đăng ký hụi viên có mặt bà C và bà D. Mỗi hụi viên được tham gia nhiều nhất 03 phần, bà C tham gia 02 phần, bà D 01 phần. Việc bà D trình bày do chủ hụi không cho bà C tham gia nhiều phần nên lấy tên bà D là không đúng. Ngày 22/6/2021 (âm lịch) ông K và bà C thỏa thuận nợ là liên quan đến các dây hụi của bà C và sự việc này được Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh xét xử tại Bản án số 37/2023/DS-ST, ngày 31/7/2023, bản án có hiệu lực thi hành, đang giai đoạn yêu cầu thi hành án, phần nợ của bà D là riêng. Ngày 15/7/2020 (âm lịch) ông K giao cho bà D số tiền hốt hụi là 37.060.000 đồng, bà C ký nhận vì bà D không có ở nhà, sau đó bà D về đến thì có yêu cầu ký nhận vào biên nhận.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn bà D kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Bà D không đồng ý trả cho ông K và bà T số tiền 44.000.000 đồng, lý do không tham gia dây hội. Bà T khởi kiện cung cấp cho Tòa án danh sách hội viên, loại hội tháng, mở ngày 10/6/2020 (âm lịch), mỗi tháng góp 2.000.000 đồng, gồm 28 hội viên, 34 phần, trong đó tên bà D 01 phần do ông K làm đầu thảo. Đến tháng 7 năm 2020 (âm lịch) bà D hốt hội, đến ngày 15/7/2020 (âm lịch) ông K giao tiền hội cho bà C, bà D ký nhận số tiền 37.060.000 đồng. Bà D cho rằng chỉ đứng tên dùm nhưng bà T và ông K không thừa nhận, bà D không có căn cứ chứng minh. Bà D thừa nhận có ký tên khi ông K giao tiền ngày 15/7/2020 (âm lịch) và bà D thừa nhận có đưa tiền cho bà C góp hội chết. Theo danh sách hội viên có tên bà D tại vị trí thứ 21 và các hội viên xác nhận bà D là người tham gia hội viên. Nên bà T và ông K yêu cầu bà D trả số tiền nợ hội chưa góp 44.000.000 đồng là có căn cứ.

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà D. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS-ST, ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà D kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Bị đơn bà D kháng cáo toàn bộ bản án. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà D: Bà T và ông K yêu cầu bà D trả 44.000.000 đồng là số tiền nợ hội chưa góp 22 lần của dây hội ngày 10/6/2020 (âm lịch). Bà D không đồng ý yêu cầu trên vì bà D không tham gia dây hội trên mà do bà C tham gia và ghi tên bà D. Lý do, bà C tham gia nhiều phần nên các hội viên không đồng ý cho bà C tham gia thêm.

[3.1] Bà D xác định dây hội mở ngày 10/6/2020 (âm lịch) do vợ chồng ông K, bà T làm đầu thảo, loại hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm có 34 phần, 28 hội viên tham gia, hội viên vị trí thứ 21 mang tên “Diện 6 Ca” tham gia 1 phần. Đồng thời, xác định hội viên mang tên “Diện 6 Ca” hốt hội vào tháng 7/2020 (âm lịch), đến ngày 15/7/2020 (âm lịch) thì bà T và ông K giao tiền hội cho bà C nhận số tiền 37.060.000 đồng và bà D có ký tên. Tuy nhiên, bà D trình bày do ở nhà cùng bà C nên khi giao tiền cho bà C thì phải có người cùng nhà ký tên. Bà

D thừa nhận có đưa tiền cho bà C góp hụi chết. Số tiền hụi chết còn nợ vợ chồng bà T và ông K là 44.000.000 đồng xác định là của bà C.

[3.2] Căn cứ theo “Biên nhận” giao tiền hụi ngày 15/7/2020 (âm lịch) thể hiện số tiền 37.060.000 đồng giao cho bà C nhận và bà D xác định có ký tên nhưng lý do giải thích của bà D không được bà T và ông K đồng ý. Bà T và ông K trình bày khi giao tiền cho bà D nhưng bà C có mặt ký nhận sau đó bà D về đến thì có yêu cầu ký nhận vào biên nhận. Đồng thời, bà T và ông K trình bày không có việc không cho hụi viên tham gia nhiều phần, mỗi hụi viên được tham gia nhiều nhất 03 phần. Ngoài ra, những người tham gia dây hụi ngày 10/6/2020 (âm lịch) chung với bà D là bà Lê Thị T1, bà Huỳnh Thị Thu B, bà Nguyễn Thị D1, bà Đinh Hồng N, bà Nguyễn Ngọc D2 và ông Huỳnh Văn K1 cũng thống nhất xác định bị đơn bà D có tham gia dây hụi mở ngày 10/6/2020 (âm lịch) chung với các ông bà và bà D đã hót hụi vào ngày 15/7/2020 (âm lịch).

[3.3] Đối với “Giấy thỏa thuận” lập ngày 22/6/2021 (âm lịch) giữa ông K với bà C (BL 68). Bà D trình bày người thực tế tham gia dây hụi là bà C nên bà C và ông K mới thỏa thuận việc ông K đóng choàng hụi cho bà C là 4.000.000 đồng, còn bà C đóng 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, “Giấy thỏa thuận” lập ngày 22/6/2021 (âm lịch) không đề cập đến dây hụi mở ngày 10/6/2020 (âm lịch) có tên bà D mà chỉ đề cập “*Phần hụi tháng còn 21 phần tôi hứa đóng choàng chị 6 Ca là hụi chết*”. Hơn nữa, bà C cũng có tham gia nhiều dây hụi do bà T. Do đó, việc thỏa thuận này không đủ căn cứ để xác định nợ dây hụi ngày 10/6/2020 (âm lịch) tại danh sách hụi vị trí số 21 tên “Diện 6 Ca” là của bà C. Bà D không thừa nhận có tham gia dây hụi mở ngày 10/6/2020 (âm lịch) nhưng bà C, bà D cùng thống nhất xác định tiền đóng hụi chết hàng tháng là của bà D đưa cho bà C đóng cho ông K, bà T (BL 78, 80). Như vậy, bà D cho rằng chỉ đứng tên dùm bà C nhưng bà T và ông K không thừa nhận, bà D không có căn cứ nào chứng minh cho việc đứng tên dùm. Bà D kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới.

[4] Từ những phân tích tại mục [3] không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà D. Lời đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà D kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, họ, biểu, phường;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/1016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K và bà Đỗ Thành T về việc tranh chấp “hợp đồng góp hội” với bà Nguyễn Thị Ngọc D.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Văn K và bà Đỗ Thành T số tiền hội còn nợ là 44.000.000 đồng (bốn mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn K và bà Đỗ Thành T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn K và bà Đỗ Thành T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001821 ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp theo biên lai thu số 0001883 ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

4. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Tuyền